

# Bỏ Thì Thương, Vương Thì Tội

*Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa*

Tôi là người hiếu học nên yêu thích việc làm ở Công ty Tiện ích Montana-Dakota ở chỗ công ty thật quan tâm đến việc đào luyện nhân viên. Ngoài những lớp huấn luyện khi công ty mua dụng cụ mới, áp dụng kỹ thuật mới, hay tuân theo luật lệ mới, hàng năm bọn kỹ sư chúng tôi được gửi đi học một khóa tu nghiệp ngắn, từ vài ngày đến một tuần, để trau dồi kiến thức nghề nghiệp. Trong các khóa học đó, tài liệu được in ra và phân phát trước, và mỗi ngày từ tám giờ sáng đến năm giờ chiều, cả giảng viên lẫn học viên đều *chạy mệt nghỉ*. Giảng viên trưng ra càng nhiều dữ kiện và điều cần biết càng tốt, và học viên rần rục nhận nhớ được bao nhiêu thì nhớ, còn lại về nhà nghiền ngẫm sau.

Tháng Tư năm nay (1980), tôi tham dự khóa học “phân tích kinh tế và nhận biết phí tổn cho các dự án điện lực” tổ chức tại khách Hyatt Regency ở Sacramento, thủ phủ tiểu bang California. Trưa thứ Sáu khóa học kết thúc, tôi không vội ra phi trường như mọi người vì sẽ ở lại thêm một đêm, sáng thứ Bảy mới bay về. Tôi lái xe (thuê) đến phố Cổ Sacramento ăn trưa và dạo quanh xem cảnh trí rồi tìm phòng điện thoại công cộng gọi người bạn cũ trước ở Bismarck là anh Dần; anh dọn nhà về đây hai năm nay.

Bốn năm trước, một đêm tháng Tư năm 1976, tôi gặp anh Dần khi cảnh sát được báo tin vợ chồng anh ẩu đả trong nhà và gọi tôi đi thông dịch. Cả anh và chị Sả vợ anh đều khai họ cãi vã lớn tiếng chứ không hề xô xát với nhau. Để tránh rắc rối thêm với cảnh sát, anh tự nguyện ra khỏi nhà tới *apartment* của tôi ngủ trên *xô-pha* phòng khách. Tôi làm bạn với anh từ đó.

Sinh ra lớn lên và lập gia đình tại làng đánh cá Phú Tân gần cửa biển Thuận An cách Huế chừng 15 cây số, anh Dần đi lính Hải quân làm đến thượng sĩ thường vụ đại đội, chức vụ thường được gọi là “thượng sĩ già.” Tháng Ba năm 1975, khi thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên thất thủ, anh liền mình về nhà đón vợ con đi di tản, nhưng vợ và con gái lớn đi bán hàng và anh chỉ có thì giờ đem ba đứa con nhỏ ra đi. Anh gặp lại chị Sả là bồ cũ dan díu một thời trong đời lính Hải quân hải hồ rày đây mai đó; chị có cậu con trai 15 tuổi. Hai người xấp lại và trong trại tỵ nạn Đồn Chaffee ở tiểu bang Arkansas, khai là vợ chồng và đi định cư thành một gia đình.

Ở Bismarck, anh Dần làm việc cho Winger’s Cabinets là xưởng chế tạo và thiết trí các loại tủ gắn vào tường. Ông chủ Winger người Mỹ gốc Đức mê làm việc và ưa chuộng thợ người Việt vì họ khéo tay, ít kèo nài quyền lợi, và nhất là làm việc *xả láng*, bất kể giờ giấc. Người thợ trụ cột của Winger’s là Điều em chú bác của anh Dần. Điều giỏi nghề mộc và chịu khó nên được ông Winger trọng dụng và kiếm được nhiều tiền, nhưng “độc thân tại chỗ” vì vợ và hai đứa con còn ở bên Việt nam.

Anh Dần khéo tay, tháo vát, và chuyên làm đầu nêu bày trò vui chơi cuối tuần cho tôi và vài người bạn khác. Chúng tôi đi *picnic*, cắm trại, câu cá, hay thăm viếng nông trại ngủ lại đêm, ăn uống hát hò, và giết gà heo bò làm thịt. Anh hiếu khách nên tiệc nhà anh lúc nào cũng đầy

khách nhậu *ké*. Nhưng anh ở Bismarck không tới hai năm rồi không kèn không trống đưa ba đứa con dọn về ngoại ô Sacramento. Chị Sả và đứa con riêng vừa lên đại học tách riêng đi Houston thuộc tiểu bang Texas. Đường ai nấy đi.

Tôi đã nghe nói anh Dần “cưới” bà vợ mới trẻ hơn chị Sả, “về hưu non,” và hàng ngày uống rượu hưởng nhàn chờ người mời đi ăn đám cưới, nhưng ngạc nhiên nghe anh gằn giọng xưng danh khi nhắc điện thoại trả lời,

“Đại tá Dần, tôi nghe.”

“Kính chào đại tá,” tôi cười to như thể cho rằng anh nói giỡn, “Chuẩn tướng *Ba Hoa* xuống Sacramento họp tư lệnh vùng đây. Chiều nay đại tá có thì giờ cho tôi tới thăm không?”

“Anh tới thì lúc nào tôi cũng rảnh, con Sương nhắc chú *Ba Hoa* hoài. Anh phải ở lại nhậu với bọn tôi, ở *chơi chiều mát về!*” anh cười vui vẻ; bé Sương là con út của anh, năm nay lên chín.

“Tôi là đứa *thấy ăn tìm đến, thấy việc bỏ đi*, lẽ nào bỏ qua bữa ăn?” tôi nhớ lại những buổi tiệc nhậu tối thứ Sáu tại nhà anh ở Bismarck.

“Để tôi kêu vợ chồng thằng Điều qua thăm anh. Gặp anh, chắc con vợ nó mừng lắm.”

Thấy Điều bước vào nhà anh Dần với người thiếu phụ trạc ba mươi tuổi, người đầy đà, mặt tròn và hơi thô, và tóc cắt ngắn, tôi giật nảy người đứng dậy. Vợ Điều không phải ai xa lạ; đó là Mạnh, người đàn bà lấy chồng Mỹ đến Bismarck trước tôi khá lâu. Lần đầu gặp nhau, Mạnh nhận ra tôi là bạn của cô chủ mà gia đình có một thời mượn Mạnh làm “con ở.” Hết giúp việc cho gia đình bạn tôi, Mạnh ra Vũng Tàu bán *ba* (bar) cho lính Mỹ và gặp Gary; anh ta mê Mạnh và nhờ người thông dịch hỏi lấy nàng. Mạnh theo chồng về nước khi mang thai con trai đầu lòng.

Gary giải ngũ về North Dakota làm thợ máy cho xưởng sửa xe của ông chú. Khi Mạnh có thai lần thứ hai, anh bỗng trở chứng, suốt ngày than khổ vì đã chứng kiến thảm cảnh chiến tranh chết chóc, và không muốn tiếp tục sống. Anh đâm ra rượu chè bê tha, không đi làm, và bỏ luống con cái nhà cửa khiến Mạnh thường tức bực chửi mắng. Một đêm, hai vợ chồng đánh lộn, cảnh sát can thiệp và bắt giam Gary. Được thả ra, anh bỏ Bismarck ra đi làm người không nhà không cửa đâu đó dưới miền nam. Đợt người Việt tỵ nạn đến thành phố này là một ân sủng đối với Mạnh vì trong thời gian qua nàng đơn độc như một hoang đảo, mọi việc sinh sống và nuôi con đều trông nhờ vào *bà gia* (bà nhạc) vì nàng không biết đọc hay biết viết – tiếng Anh cũng như tiếng Việt.

Trong lúc Điều và “đàn em” anh Dần thi nhau mời rượu “kính đại tá,” tôi nói chuyện với Mạnh. Mạnh tâm sự,

“Em và anh Điều như có duyên có nợ với nhau, gặp nhau là ráp vô cái *rụp*. *Té ra* hồi nớ em ở làng Phú Thanh kề bên Phú Tân và đã biết tiếng chị Mến vợ anh Điều. Chị nhỏ tuổi mà biết mua bán táo tợn, hàng ngày gánh cá lên Huế bán ở chợ Đông Ba.”

“Cô theo Điều về đây, có hai đứa nhỏ không?”

“Khi lấy anh Điều, em nghĩ *nát nước* và đi xuống đây *một chắc* (một mình). Em dốt nát, chữ nghĩa mù tịt, đem con theo chỉ làm khổ *tụi hấn* nên để lại cho *mệ* (bà) nội nuôi.”

“Tôi hiểu hoàn cảnh của cô,” tôi gật gù thông cảm.

“Nhờ anh Điều mà em liên lạc được với *ba mẹ* ở Phú Thanh và lâu lâu gửi tiền về cho; *ba mẹ* mừng lắm. Anh Điều cũng gửi tiền về cho chị Mến bên Phú Tân cho mẹ con chị bớt khổ.”

\* \* \*

Sau tháng Tư năm 1975, chị Mến một thân một mình phải nuôi hai đứa con, một trai một gái, trong khi không thể tiếp tục làm nghề bán cá vì Việt Cộng cấm ngặt mọi việc buôn bán của tư nhân. May sao, khi chị sắp đến bước đường cùng thì nhận được tiền Điều bên Mỹ gửi về. Từ năm 1979, khi làn sóng người liêu mình vượt biển bỏ xứ ra đi lên cao, hai đứa con thay nhau viết thư thúc giục cha gửi tiền về để mẹ *mua chỗ* trên tàu *vượt biên*. Điều xin làm giờ phụ trội ban đêm và cuối tuần để kiếm đủ tiền cho vợ con trốn thoát, nhưng rất khổ tâm khi nghĩ tới tương lai. Một bên là vợ con tình sâu nghĩa nặng, một bên là người yêu đầu gối tay ấp, bên nào cũng *bỏ thì thương, vương thì tội*. Thịnh thoảng Điều nói bóng nói gió, “*thân này ví xẻ làm đôi,*” nhưng Mạnh biết rằng mình không thể sống kiểu một ông hai bà đó và hàng đêm úp mặt vào gối khóc thầm.

Mẹ con chị Mến *vượt biên* thành công đến trại tỵ nạn Pulau Bidong ở Mã Lai Á, và Điều làm giấy bảo lãnh vợ con sang Hoa kỳ. Thủ tục giấy tờ kéo dài cả năm, và sau cùng Điều nhận được thư cho biết đơn xin định cư của vợ con được chấp thuận. Một hôm đi làm về, Điều không thấy Mạnh chờ đón như mọi ngày và trên bàn ăn có tờ giấy viết nguệch ngoạc, “*I leave. Love you. You happy.*” Điều đoán Mạnh đã nhờ cô bé Mỹ hàng xóm năm tuổi viết với ý, “*Em ra đi vì em yêu anh và để anh hạnh phúc.*”

Sau tuần lễ ăn mừng gia đình đoàn tụ và kể chuyện nhớ nhung trong thời gian xa cách, chị Mến đòi Điều đưa đến “*cơ quan chính phủ*” lãnh tiền hàng tháng. Vì theo tin tức truyền miệng trong trại tỵ nạn, “*đến Hoa kỳ, mỗi tháng đàn ông đương nhiên lãnh ba ngàn đô la, đàn bà hai ngàn rưỡi, và trẻ em hai ngàn.*” Điều gạt đi nói không hề có chuyện đó, chị nổi giận buộc tội chồng lén lãnh tiền trợ cấp *dâng* cho mấy “*con ngựa Thượng Tứ.*” Chị đã học thêm được một điều (khá đúng) là “*ở Hoa kỳ, đàn bà và trẻ em trên hết,*” và chị là chủ gia đình, Điều phải răm rắp tuân theo lệnh chị. Nhất là làm bao nhiêu tiền phải đem về nộp hết cho chị; chị một lòng tin là nếu giữ chặt hầu bao, Điều sẽ không có tiền đem cho “*vợ hầu*” (vợ bé).

Ban đầu, Điều cố quên hình ảnh của Mạnh để hoàn thành bốn phận làm chồng làm cha và đền bù cho vợ con đã sống khốn khổ trong địa ngục Cộng sản mấy năm trời. Nhưng mọi nỗ lực đều thất bại, mọi thiện chí đều tiêu tan, Điều đau khổ và tuyệt vọng. Mỗi lần hai vợ chồng cãi vã to tiếng, để tránh phiền nhiễu với cảnh sát và để hai con khỏi đau lòng, Điều bỏ sang nhà anh Dần ngủ đêm. Một đêm cuối mùa đông năm 1982, Điều lái xe rời Sacramento, không cho ai biết đi đâu, và không trở về nhà. Chị Mến lờn lộn, quyết dọ hỏi tông tích của Mạnh để đi đánh ghen và triệu chồng mình về.

\* \* \*

Rời tổ ấm với hai dòng nước mắt, Mạnh xách chiếc *xắc* tay đựng hai bộ quần áo và các đồ dùng cá nhân đi xe buýt chừng 100 dặm Anh tới chùa Phổ Giác gần San Francisco. Mạnh đã đến đây

nói chuyện trước với thầy trụ trì; thầy là kỹ sư tốt nghiệp ở Pháp và sang Hoa kỳ lập ra chùa để tu hành và phục vụ thiện nam tín nữ người Việt cũng như người Mỹ. Mạnh cúi đầu thưa thầy,

“Con đã suy nghĩ kỹ và xin thầy cho con gửi mình trong cửa Phật. Con dốt chữ nghĩa và không biết kinh kệ, xin thầy cho con giữ việc bếp núc dọn dẹp chùi rửa quét tước trong chùa.”

“Thầy hiểu hoàn cảnh của con và đồng ý cho con nương mình nơi đây, nhưng phải qua một thời kỳ thử thách sáu tháng xem con có duyên tu hành hay không. Trong thời gian đó, con vẫn là người thường và muốn trở về trần tục lúc nào cũng được,” thầy hiền từ gật đầu.

“Con xin đội ơn thầy,” Mạnh phục xuống lạy thầy.

Sáu tháng sau, Mạnh được thầy cho thế phát quy y và ban cho pháp danh Như Thanh. Ni cô chịu khó làm việc, vui tính và hay giúp đỡ khách thập phương viếng chùa, và khi việc được thầy chỉ bảo kinh kệ. Ni cô hầu như quên hết chuyện đời đã qua. Cho đến khi chị Mến xuất hiện và xía xói vào mặt cô,

“*Mi* là con khốn nạn lấy chồng *tau*. *Mi* ở với *hắn*, ăn lút mặt lút mày, rút tía hết tiền bạc *hắn* để dành cho mẹ con *tau*, *chừ* vô chùa trốn chui trốn nhủi như *ri*.”

“*Nam mô A Di Đà Phật*,” Như Thanh giật mình, nhưng lấy lại bình tĩnh và nhắm mắt niệm Phật.

“*Mi* đừng *giả* đờ tu với hành. Không trả chồng lại cho *tau*, *tau* xé xác ra, *tau* lột trường cho phô ra hình hài dơ dáy của *mi*,” chị Mến được nước làm tới trong khi ni cô tiếp tục niệm Phật.

Chứng kiến cảnh nhục mạ ni cô Như Thanh của chị Mến, thầy trụ trì can thiệp,

“Chị kia tới đây tìm ai mà đòi hành hung kẻ tu hành?”

“Thưa thầy,” chị Mến luống cuống biện bạch, “*Cô ni* cướp chồng *tui*, nhờ thầy thương xót mẹ con *tui* mà biểu *hắn* trả chồng lại cho *tui*.”

“*Cô* Như Thanh lánh mình nơi cửa thiền không dính dáng chuyện trần đời hơn một năm nay. Chị thấy chồng chị đâu đây thì cứ việc trói cổ anh ta đem về. Đừng làm như uế nơi thanh tịnh.”

“*Tui* cũng con qua nửa vòng trái đất để gặp chồng thì bị người chồng bạc bẽo phụ rẫy bỏ đi,” chị Mến khóc thút thít.

Hỏi trong ba người – chị Mến, ni cô Như Thanh, và Điều – ai đáng thương hay đáng trách hơn cả? Tôi thì chịu, không thể trả lời.

**Nguyễn Ngọc Hoa**

Ngày 9 tháng Hai, 2022